TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 18/3/2021
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 29/10/2020 về việc ***"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng",*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- KDTM ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N *(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*);

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai. Địa chỉ: Số 35 V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. *(Văn bản ủy quyền số 334/NHNoKBĐGL-TH ngày 19/10/2020).*

- Bị đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1967 và ông Trần Văn H, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T và ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 21/11/2019, bà Mai Thị T và ông Trần Văn H đã vay vốn tại Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201904048 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS201906589 ngày 21/11/2019, mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn lưu động kinh doanh giày dép, với lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn vay 10 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/9/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay bà T, ông Hđã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI X, thửa đất số 78a, tờ bản đồ số 26, diện tích 180m^2 tại tổ dân phố X (trước đây là tổ dân phố 18), thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai do UBND huyện Kbang cấp ngày 15/11/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3826 ngày 20/11/2019.

Trong thời gian vay vốn, bà T – ông Hđã sử dụng vốn vay không hiệu quả, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 22/9/2020, đồng thời Ngân hàng cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng bà T – ông Hvẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 19/10/2020, bà T – ông Hcòn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 521.643.836 đồng *(Năm trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng)*, bao gồm: Nợ gốc là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn là 19.726.028 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.917.808 đồng.

Tại bảng kê tính lãi ngày 17/3/2021, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà T – ông Hcòn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 20/10/2020 đến hết ngày 18/3/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là 20.547.945 đồng và 10.273.973 đồng. Tổng cộng, số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà T – ông Hphải trả thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai là 552.465.754 đồng *(Năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 40.273.973 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.191.781 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 18/3/2021*).

Ngân hàng còn bổ sung yêu cầu về lãi suất đối với tiền lãi chậm trả (*theo thỏa thuận của hai bên đương sự tại hồ sơ vay vốn*): Trường hợp khách hàng (bị đơn bà T – ông Hiền) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả T ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà T – ông Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà T – ông Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn H:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã triệu tập bà T – ông Hđến Tòa án để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa. Do bị đơn bà T – ông Hđã đi khỏi địa phương là tổ dân phố 11, thị trấn, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai từ thời điểm tháng 10/2020; khi đi bà T – ông Hkhông thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết đây được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà T – ông Hthực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà T – ông Hkhông chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải trả cho Ngân hàng số tiền là 552.465.754 đồng *(Năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 40.273.973 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.191.781 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 18/3/2021*).

Bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm (KDTMST).

Nguyên đơn Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng N *(tổ chức có đăng ký kinh doanh)* khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn H*(cá nhân có đăng ký kinh doanh)* có địa chỉ tại tổ dân phố X, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ đã ký kết, mục đích vay tiền của bà T – ông Hlà để kinh doanh giày dép. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà T – ông Hkhông còn cư trú tại địa chỉ nêu trên, khi đi bà T – ông Hkhông báo cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết địa chỉ mới đang cư trú nên đây được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho bà T – ông Htheo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự và niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập bà T – ông Hđến Tòa án làm việc nhưng bà T – ông Hkhông đến. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Đỗ Thanh B vắng mặt nhưng ông B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại Hợp đồng tín dụng số 5008LAV201904048 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS201906589 ngày 21/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với bà T – ông Hđã thể hiện rõ việc Ngân hàng đã cho bà T – ông Hvay với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*), mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn lưu động kinh doanh giày dép, với lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn vay 10 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/9/2020.

Xét Hợp đồng tín dụng số 5008LAV201904048 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS201906589 ngày 21/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với bà T – ông Hthấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà T – ông Hchủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi vay tiền bà T – ông Hđã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông, bà trả nợ. Bà T – ông Hđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà T – ông Hthực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T – ông Hđã bỏ đi khỏi địa phương nên luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà T – ông Hđã tự chối bỏ quyền tham gia tố

tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, cần buộc bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai tổng số tiền là 552.465.754 đồng *(Năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 40.273.973 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.191.781 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 18/3/2021*).

Tại Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV201904048 ngày 21/11/2019 giữa hai bên đương sự còn có thỏa thuận lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: Trường hợp khách hàng (bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hiền) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả T ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Vì vậy, Ngân hàng có quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

* Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hđã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI X, thửa đất số 78a, tờ bản đồ số 26, diện tích 180m^2 tại tổ dân phố X (trước đây là tổ dân phố 18), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai do UBND huyện Kbang cấp ngày 15/11/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 3826 ngày 20/11/2019. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đã xác định: Thửa đất thế chấp đúng diện tích, vị trí, số tờ, số thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI X do UBND huyện Kbang cấp cho bà T – ông Hngày 15/11/2007; không có tranh chấp với bên thứ ba.

Ngân hàng có yêu cầu thi hành án trong trường hợp bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)*. Bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hcó trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Là 4.550.000 đồng *(Bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Ngân hàng là bên yêu cầu nên Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp đủ.

[5] Về án phí KDTMST:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí KDTMST, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí KDTMST đã nộp.

Bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 26.098.630 đồng *(Hai mươi sáu triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, cụ thể như sau:

1. Buộc bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai tổng số tiền là 552.465.754 đồng *(Năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 40.273.973 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.191.781 đồng (*các khoản lãi tính đến hết ngày 18/3/2021*).

Trường hợp khách hàng *(bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn H)* không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả T ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Mai Thị T và ông Trần Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu

cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hđể thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hcó trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

4. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Là 4.550.000 đồng *(Bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp đủ.

5. Về án phí: Buộc bị đơn bà Mai Thị T và ông Trần Văn Hphải chịu 26.098.630 đồng *(Hai mươi sáu triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng)* án phí KDTMST;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí KDTMST đã nộp là 12.432.876 đồng *(Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003547 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Cảnh Nguyễn Văn Thi Nguyễn Thị Hồng Phương